

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 66/2005/TT-BTC

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2005

THÔNG TƯ**Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 74/2005/QĐ-TTg ngày 06/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng tiền chuyển quyền sử dụng đất, tiền bán nhà xưởng và các công trình khác khi tổ chức kinh tế phải di dời trụ sở, cơ sở sản xuất kinh doanh theo quy hoạch**

Căn cứ Quyết định số 74/2005/QĐ-TTg ngày 06/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng tiền chuyển quyền sử dụng đất, tiền bán nhà xưởng và các công trình khác khi tổ chức kinh tế phải di dời trụ sở, cơ sở sản xuất kinh doanh theo quy hoạch; Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện như sau:

I. Phạm vi, đối tượng thực hiện

1. Thông tư này hướng dẫn việc sử dụng số tiền thu được khi chuyển quyền sử dụng đất, tiền bán nhà xưởng và các công trình xây dựng khác khi tổ chức kinh tế (công ty nhà nước, các doanh nghiệp khác hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Luật Hợp tác xã và các tổ chức kinh tế khác) có trụ sở, cơ sở sản xuất kinh doanh phải di dời theo quy hoạch do ô nhiễm môi trường theo quyết định hoặc thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Quyết định số 74/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

2. Tổ chức kinh tế phải di dời trụ sở, cơ sở sản xuất kinh doanh mà không phải theo quy hoạch do ô nhiễm môi trường; các đơn vị không phải là tổ chức kinh tế phải di dời trụ sở, cơ sở sản xuất kinh doanh do ô nhiễm môi trường thì không thuộc đối tượng áp dụng tại Thông tư này.

II. Xử lý tài chính về đất quy định tại Điều 2 Quyết định số 74/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; một số khoản tại Điều này được hướng dẫn cụ thể như sau:

1. Điểm a khoản 1 quy định về đất đang sử dụng thuộc quy hoạch xây dựng các công trình quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, xây dựng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế, các dự án đầu tư theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; trường hợp đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất mà tiền sử dụng đất đã

nộp không thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc đất đang sử dụng có nguồn gốc hợp pháp (đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không phải nộp tiền sử dụng đất) quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Quyết định số 74/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ khi bị thu hồi đất thì được bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Trường hợp tổ chức kinh tế đang thuê đất và trả tiền thuê đất cho Nhà nước, nhưng đất đang sử dụng có nguồn gốc là đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất mà tiền sử dụng đất đã nộp không thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc đất đang sử dụng có nguồn gốc hợp pháp (đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không phải nộp tiền sử dụng đất) khi bị thu hồi đất được bồi thường, hỗ trợ về đất theo quy định tại Nghị định 197/2004/NĐ-CP của Chính phủ.

Trường hợp đất đang sử dụng có nguồn gốc là đất nông nghiệp (nhận chuyển nhượng; sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân...) thì tiền bồi thường cho tổ chức kinh tế được xác định bằng diện tích đất nhân với giá đất nông nghiệp tại thời điểm bồi thường đất; phần chênh lệch còn lại (chênh lệch giữa giá đất phi nông nghiệp với giá đất nông nghiệp) được xử lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Quyết định số 74/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

2. Điểm a khoản 2 quy định về đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất mà tiền sử dụng đất đã nộp không thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc đất đang sử dụng có nguồn gốc hợp pháp (đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không phải nộp tiền sử dụng đất) khi chuyển quyền sử dụng đất thì được sử dụng số tiền này theo quy định tại Điều 7 Quyết định số 74/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Trường hợp đang thuê đất và trả tiền thuê đất cho Nhà nước, nhưng đất đang sử dụng có nguồn gốc là đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất mà tiền sử dụng đất đã nộp không thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc đất đang sử dụng có nguồn gốc hợp pháp (đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không phải nộp tiền sử dụng đất) thì khi chuyển quyền sử dụng đất đơn vị cũng được sử dụng số tiền này theo quy định tại Điều 7 Quyết định số 74/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

3. Khoản 3 quy định về tổ chức kinh tế được chuyển mục đích sử dụng đất phù hợp với quy hoạch để xây dựng các công trình dân dụng chỉ áp dụng đối với tổ chức kinh tế của Nhà nước có chức năng kinh doanh xây dựng công trình dân dụng (bao gồm nhà ở, nhà cao tầng, các công trình khác dùng để kinh doanh), có đủ năng lực để thực hiện và các điều kiện cụ thể khác do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

quy định (riêng thành phố Hồ Chí Minh và các địa phương đang thực hiện hoặc được Thủ tướng Chính phủ cho phép vận dụng thực hiện theo Quyết định số 80/2001/QĐ-TTg ngày 24/5/2001 của Thủ tướng Chính phủ về xử lý sắp xếp lại nhà đất thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh thì được tiếp tục thực hiện theo các quy định tại Quyết định số 80/2001/QĐ-TTg).

Số tiền thu được từ chuyển mục đích sử dụng đất của tổ chức kinh tế được xử lý như đối với trường hợp chuyển quyền sử dụng đất quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định số 74/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn tại khoản 2 Mục này.

4. Về khoản tiền hỗ trợ cho tổ chức kinh tế không phải là công ty nhà nước quy định tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 2 Quyết định số 74/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, căn cứ vào thực tế ở địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ chung trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương làm căn cứ cho Sở Tài chính xác định mức tiền hỗ trợ cụ thể cho từng trường hợp.

III. Trình tự, thủ tục thực hiện việc chuyển quyền sử dụng đất, bán nhà xưởng và các công trình khác, chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại Điều 4 Quyết định số 74/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ được hướng dẫn cụ thể như sau:

Tổ chức kinh tế có trụ sở, cơ sở sản xuất kinh doanh phải di dời, căn cứ vào quy hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật đất đai hiện hành; căn cứ vào quyết định (thông báo) phải di dời của cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

1. Liên hệ với các cơ quan chức năng của địa phương tìm địa điểm mới để thực hiện di chuyển trụ sở, cơ sở sản xuất kinh doanh theo quy hoạch và quy định về di dời của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Có văn bản đề nghị với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Quy hoạch - Kiến trúc (Sở Xây dựng) của địa phương để xác định quy hoạch sử dụng đất của khu đất mà tổ chức đang sử dụng phải di dời.

Sau khi nhận được văn bản đề nghị của tổ chức kinh tế, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Quy hoạch - Kiến trúc (Sở Xây dựng) phải có ý kiến bằng văn bản về quy hoạch sử dụng đối với khuôn viên đất của tổ chức kinh tế có trụ sở, cơ sở sản xuất kinh doanh phải di dời.

3. Lập kế hoạch, phương án di dời, phương án xử lý cơ sở nhà đất phải di dời: căn cứ vào quy hoạch sử dụng đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức kinh tế có văn bản đề nghị kèm theo phương án xử lý cơ sở nhà đất đang sử dụng phải di dời: bán nhà xưởng, công trình xây dựng khác, chuyển quyền sử dụng đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng nhằm

mục đích kinh doanh nếu có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 3 Mục II Thông tư này.

Kế hoạch, phương án di dời, phương án xử lý, văn bản đề nghị trên đây được gửi đến Bộ, ngành chủ quản, Tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập và Bộ Tài chính (đối với tổ chức kinh tế của Nhà nước do Trung ương quản lý); gửi các Sở, ban, ngành chủ quản, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) nơi có trụ sở, cơ sở sản xuất kinh doanh phải di dời đối với tổ chức kinh tế nhà nước do địa phương quản lý và tổ chức kinh tế không phải là công ty nhà nước.

4. Hồ sơ về nhà đất kèm theo kế hoạch, phương án di dời, phương án xử lý, văn bản đề nghị xử lý cơ sở nhà đất phải di dời gồm:

- Giấy tờ chứng minh nguồn gốc sở hữu nhà, quyền sử dụng đất. Trong trường hợp không có giấy tờ về đất đai, nhà xưởng thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện về quá trình sử dụng đất và đất đang sử dụng không có tranh chấp.

- Sơ đồ mặt bằng hiện trạng nhà đất theo quy định của các cơ quan chức năng.

- Ý kiến bằng văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Quy hoạch - Kiến trúc (Sở Xây dựng) về quy hoạch sử

dụng đất nơi có trụ sở, cơ sở sản xuất kinh doanh phải di dời.

5. Sau khi nhận được kế hoạch, phương án di dời, phương án xử lý, văn bản đề nghị của tổ chức kinh tế và hồ sơ gửi kèm:

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của các đoàn thể, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập xem xét, phê duyệt kế hoạch, phương án di dời; phương án xử lý của tổ chức kinh tế thuộc cấp mình quản lý.

- Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có ý kiến bằng văn bản với Sở Tài chính để Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt kế hoạch, phương án di dời, phương án xử lý của từng tổ chức kinh tế thuộc cấp mình quản lý.

IV. Thẩm quyền bán nhà xưởng, công trình xây dựng khác gắn liền với đất, chuyển quyền sử dụng đất quy định tại Điều 5 Quyết định số 74/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; một số khoản tại Điều này được hướng dẫn cụ thể như sau:

1. Khoản 1 quy định việc bán nhà xưởng, công trình xây dựng khác gắn liền với đất, chuyển quyền sử dụng đất của công ty nhà nước (tổ chức kinh tế nhà nước) do đại diện chủ sở hữu quyết định theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp nhà nước như sau:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của các đoàn thể, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập quyết định việc bán nhà xưởng, công trình xây dựng gắn liền với đất, chuyển quyền sử dụng đất của công ty nhà nước (tổ chức kinh tế nhà nước) thuộc cấp mình quản lý sau khi có ý kiến của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bán nhà, xưởng, công trình xây dựng gắn liền với đất, chuyển quyền sử dụng đất của công ty nhà nước (tổ chức kinh tế nhà nước) thuộc địa phương quản lý.

2. Khoản 2 về bán nhà xưởng, công trình xây dựng khác gắn liền với đất, chuyển quyền sử dụng đất của tổ chức kinh tế không phải là tổ chức kinh tế của Nhà nước được thực hiện như sau:

a) Tổ chức kinh tế đang sử dụng đất được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất mà tiền đó không thuộc nguồn vốn của Ngân sách nhà nước hoặc đất đang sử dụng có nguồn gốc hợp pháp của hộ gia đình, cá nhân (khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải nộp tiền sử dụng đất) thì tổ chức kinh tế tự quyết định việc chuyển quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy hoạch, bán nhà xưởng và công trình xây dựng khác theo quy định của pháp luật.

b) Đối với tổ chức kinh tế sử dụng đất được Nhà nước cho thuê, đất được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, giao có thu tiền sử dụng đất nhưng được miễn nộp tiền sử dụng đất, các trường hợp khác không thuộc khoản 1, điểm a khoản 2 Mục này, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Trường hợp có nhà xưởng, công trình xây dựng khác là tài sản của tổ chức kinh tế xây dựng trên đất thì Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét xử lý theo một trong hai hình thức sau:

- Để tổ chức kinh tế tự quyết định bán, sau khi có ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thỏa thuận với tổ chức kinh tế để mua lại phần tài sản trên đất của tổ chức kinh tế theo giá bán tại thị trường địa phương; sau đó thực hiện bán đấu giá cùng với quyền sử dụng đất.

V. Phương thức bán nhà xưởng, công trình xây dựng khác gắn liền với đất quy định tại Điều 6 Quyết định số 74/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ được hướng dẫn cụ thể như sau:

1. Điểm a khoản 1 về bán đấu giá: công ty nhà nước khi di dời đến địa điểm mới phải thực hiện bán đấu giá nhà xưởng, công trình xây dựng khác, đấu giá quyền sử dụng đất đối với cơ sở đang sử dụng phải di dời; việc xác định giá khởi

điểm nhà xưởng, công trình xây dựng khác, giá khởi điểm quyền sử dụng đất được thực hiện theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Người có thẩm quyền phê duyệt kết quả bán đấu giá là người có thẩm quyền quyết định bán nhà xưởng, công trình xây dựng khác, chuyển nhượng quyền sử dụng đất quy định tại khoản 1 Mục IV Thông tư này.

2. Khoản 2 quy định trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, bán nhà xưởng, công trình xây dựng khác, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hình thức bán chỉ định thì giá nhà xưởng, công trình xây dựng khác, giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất, giá đất chuyển mục đích sử dụng phải sát với giá bán nhà, giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường tại thời điểm bán.

Sau khi có quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền về bán nhà xưởng, công trình xây dựng khác, chuyển quyền sử dụng đất; chuyển mục đích sử dụng đất; tổ chức kinh tế phải tổ chức định giá đất, định giá nhà xưởng, công trình xây dựng khác. Việc định giá nhà xưởng, công trình xây dựng khác, định giá đất phải thông qua một tổ chức có chức năng thẩm định giá của Nhà nước, được Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

VI. Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được quy định tại Điều 7 Quyết định số 74/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ được hướng dẫn cụ thể như sau:

1. Căn cứ vào số tiền thu được từ bán nhà xưởng, công trình xây dựng khác, chuyển quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, tiền bồi thường, hỗ trợ đất, tiền bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất, tổ chức kinh tế có trách nhiệm xác định rõ phần giá trị quyền sử dụng đất, phần giá trị nhà xưởng, công trình xây dựng khác trong tổng số số tiền thu được báo cáo Bộ, ngành chủ quản, tổng công ty nhà nước, đồng gửi Bộ Tài chính (Sở Tài chính). Việc xác định giá trị quyền sử dụng đất, giá trị tài sản trên đất phải trên cơ sở cơ cấu giá trị (tỷ lệ %) của mỗi loại tài sản đã được xác định trong tổng giá trị của cơ sở nhà đất theo quyết định (phê duyệt) của cơ quan có thẩm quyền quy định tại Mục IV Thông tư này; trong trường hợp cơ sở nhà đất thuộc diện Nhà nước thu hồi thì tiền bồi thường đất, hỗ trợ đất, bồi thường tài sản, hỗ trợ tài sản theo phương án bồi thường hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong báo cáo gửi Bộ, ngành chủ quản, tổng công ty nhà nước đồng gửi Bộ Tài chính phải xác định:

- Phần tiền sử dụng đất, tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tiền bán nhà xưởng, công trình xây dựng khác, bồi thường đất, bồi thường tài sản,... thuộc vốn của tổ chức kinh tế.

- Phần tiền sử dụng đất, tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tiền bán nhà xưởng, công trình xây dựng khác, tiền hỗ trợ đất, hỗ trợ tài sản thuộc vốn của ngân sách nhà nước.

2. Căn cứ vào báo cáo của tổ chức kinh tế; quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; quy định về việc sử dụng tiền chuyển quyền sử dụng đất, bán nhà xưởng, công trình xây dựng khác khi tổ chức kinh tế phải di dời theo quy hoạch quy định tại Quyết định số 74/2005/QĐ-TTg, cơ quan tài chính cùng cấp có trách nhiệm xác định:

a) Phần tiền thu được thuộc vốn của tổ chức kinh tế theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2, điểm a khoản 2 Điều 2, điểm a khoản 1 Điều 3 và chi phí di dời quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Quyết định số 74/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể gồm:

- Chi phí đã đầu tư vào đất bằng nguồn vốn mà Nhà nước đã giao cho tổ chức nhưng chưa thu hồi được (nếu có); chi phí đã đầu tư vào đất bằng tiền không thuộc vốn ngân sách nhà nước;

- Giá trị của tài sản, tiền sử dụng đất, tiền chuyển quyền sử dụng đất, tiền chuyển mục đích sử dụng đất, tiền bồi thường hỗ trợ đối với tổ chức kinh tế đã được Nhà nước giao vốn hoặc do tổ chức kinh tế tạo lập bằng tiền không thuộc nguồn vốn của ngân sách nhà nước;

- Chi phí di dời thực tế không vượt quá định mức được duyệt; trường hợp không

có định mức thì theo thực tế tại thị trường địa phương;

- Chi phí liên quan đến việc bán nhà xưởng, công trình xây dựng khác, chuyển quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, gồm: chi phí đo vẽ nhà đất, chi phí bán nhà, chuyển quyền sử dụng đất (chi phí định giá, thẩm định giá, chi phí tổ chức bán đấu giá và các chi phí khác có liên quan).

b) Phần tiền công ty nhà nước, tổ chức kinh tế của Nhà nước được hỗ trợ, được sử dụng quy định tại điểm b khoản 1 điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 2, điểm b khoản 1 Điều 3 Quyết định số 74/2005/QĐ-TTg, đây là vốn của ngân sách đầu tư cho tổ chức kinh tế của Nhà nước, phần tiền hỗ trợ cho tổ chức kinh tế không phải của Nhà nước quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 2 Quyết định số 74/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

c) Phần tiền còn lại (nếu có) được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

VII. Trình tự, thủ tục nộp, cấp phát tiền thu được từ bán nhà, chuyển quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, tiền hỗ trợ về đất, hỗ trợ về tài sản:

1. Tiền thu được từ bán nhà xưởng, công trình xây dựng khác, tiền chuyển quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, hỗ trợ về đất, hỗ trợ tài sản

sau khi trừ đi số tiền thuộc vốn của tổ chức kinh tế theo quy định tại điểm a khoản 2 và số tiền phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định điểm c khoản 2 Mục VI Thông tư này; số tiền còn lại là vốn của ngân sách nhà nước đầu tư, hỗ trợ cho tổ chức kinh tế phải nộp toàn bộ vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc nhà nước cấp tỉnh do đại diện chủ sở hữu (Bộ, ngành chủ quản, Tổng công ty nhà nước) làm chủ tài khoản đối với tổ chức kinh tế nhà nước thuộc Trung ương quản lý; Sở Tài chính làm chủ tài khoản (đối với các tổ chức kinh tế còn lại) và được theo dõi chi tiết tới từng tổ chức kinh tế phải di dời.

2. Việc cấp phát tiền từ tài khoản tạm giữ tại Kho bạc nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được thực hiện như sau:

2.1. Đối với tổ chức kinh tế của Nhà nước:

a) Căn cứ vào hồ sơ đề nghị của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trung ương của các tổ chức đoàn thể, Tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập (đối với tổ chức kinh tế nhà nước thuộc Trung ương); Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Tổng công ty nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập (đối với tổ chức kinh tế nhà nước thuộc địa phương), Bộ trưởng Bộ Tài chính (Giám đốc Sở Tài chính) xem xét quyết định cấp tiền từ tài khoản tạm giữ cho các tổ chức kinh tế theo dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Hồ sơ kèm theo công văn đề nghị của đơn vị làm căn cứ để Bộ Tài chính (Sở Tài chính) quyết định cấp tiền, gồm:

- Quyết định của cấp có thẩm quyền cho phép bán nhà xưởng, công trình xây dựng khác, chuyển quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng.

- Xác nhận của Kho bạc nhà nước cấp tỉnh về số tiền đã nộp vào tài khoản tạm giữ.

b) Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của các tổ chức đoàn thể, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập (Giám đốc Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập) thực hiện phân bổ vốn đầu tư theo quyết định đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (quy định tại điểm a Khoản này) gửi tổ chức kinh tế, Kho bạc nhà nước và cơ quan tài chính đồng cấp.

2.2. Đối với tổ chức kinh tế không phải là tổ chức kinh tế của Nhà nước, Giám đốc Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định cấp phát và chia thành 3 lần theo tiến độ dự án đầu tư cơ sở sản xuất kinh doanh của đơn vị tại địa điểm mới. Trường hợp số tiền hỗ

trợ dưới 01 (một) tỷ đồng, có thể cấp một lần toàn bộ số tiền hỗ trợ cho các tổ chức kinh tế; đồng thời thực hiện việc ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước.

3. Kho bạc nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện việc cấp phát tiền từ tài khoản tạm giữ theo quy định về chế độ quản lý, cấp phát, quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành. Tổng số tiền cấp phát cho mỗi dự án không vượt quá số tiền được phê duyệt tại Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính (Giám đốc Sở Tài chính); số còn lại sau khi quyết toán dự án đầu tư (nếu có) phải nộp vào ngân sách nhà nước.

4. Hạch toán thu, chi ngân sách đối với tiền tạm giữ tại Kho bạc nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

4.1. Việc hạch toán thu, chi ngân sách nhà nước được thực hiện theo nguyên tắc: số thu, số chi do thực hiện ghi thu, ghi chi không cân đối thu chi của ngân sách nhà nước, mà chỉ hạch toán ghi thu, ghi chi phản ánh qua ngân sách nhà nước để quản lý tài sản được đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước; chỉ tính vào thu cân đối ngân sách đối với số thu còn thừa phải nộp ngân sách nhà nước.

4.2. Trình tự thực hiện:

a) Hàng năm, sau khi hết thời hạn thanh toán vốn đầu tư (31/01 năm sau), Kho bạc nhà nước cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lập báo cáo chi tiết từng đơn vị (theo từng quyết định

của cấp có thẩm quyền) theo các nội dung: số được cấp lại; số đã thanh toán trong niên độ ngân sách; số đã thanh toán lũy kế; số tạm ứng chưa thu hồi. Báo cáo này được gửi về Bộ Tài chính đối với các đơn vị thuộc Trung ương quản lý, gửi Sở Tài chính đối với các đơn vị thuộc địa phương quản lý trước 20/02 năm sau để làm thủ tục ghi thu, ghi chi tương ứng với số vốn đã đủ điều kiện thanh toán vào Ngân sách nhà nước theo quy định. Cơ quan tài chính làm thủ tục ghi thu, ghi chi vào Ngân sách; 01 liên chứng từ cho Kho bạc nhà nước quản lý tài khoản tạm giữ; 01 liên chứng từ cho cơ quan chủ quản, cơ quan chủ quản có trách nhiệm thông báo cho tổ chức kinh tế trực thuộc.

- Về hạch toán Mục, tiểu mục theo Mục lục ngân sách nhà nước:

+ Hạch toán thu vào Mục 067 (mục bán tài sản), tiểu mục tương ứng.

+ Hạch toán chi: khi chi căn cứ vào nội dung các khoản chi để hạch toán vào Mục, tiểu mục theo quy định.

- Về hạch toán Chương: đối với số tiền quyết định cấp cho tổ chức kinh tế thuộc ngân sách Trung ương thì hạch toán vào Chương của Bộ, cơ quan Trung ương được cấp vốn; đối với tổ chức kinh tế địa phương do địa phương quản lý thì hạch toán Chương của Sở, ban, ngành,... tương ứng.

Đối với số tiền còn lại nộp ngân sách nhà nước thì hạch toán vào cấp Chương B (ngân sách tỉnh, thành phố) tương ứng với

Chương của Bộ, cơ quan Trung ương; nếu cấp Chương B không có Chương tương ứng thì hạch toán vào Chương 150B.

- Về điều tiết giữa các cấp ngân sách, thực hiện theo nguyên tắc: các đơn vị do cấp nào quản lý thì ngân sách cấp đó thực hiện ghi thu, ghi chi, cụ thể:

+ Phân cấp vốn cho tổ chức kinh tế do Trung ương quản lý, ngân sách Trung ương ghi thu, điều tiết 100% cho ngân sách Trung ương hưởng.

+ Phân cấp vốn cho tổ chức kinh tế do địa phương quản lý, ngân sách địa phương ghi thu, điều tiết 100% cho ngân sách địa phương hưởng.

+ Phân nộp ngân sách, thì điều tiết 100% cho ngân sách địa phương hưởng.

b) Kết thúc đầu tư dự án, các tổ chức kinh tế lập báo cáo quyết toán công trình

hoàn thành gửi cơ quan chủ quản. Cơ quan chủ quản xem xét và đối chiếu chứng từ do cơ quan tài chính gửi đến để xét duyệt quyết toán công trình hoàn thành theo chế độ quy định; nếu số đã thanh toán với Kho bạc nhà nước lớn hơn số quyết toán được duyệt, tổ chức kinh tế phải nộp ngay vào ngân sách nhà nước theo quy định tại Thông tư này.

VIII. Điều khoản thi hành:

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị các Bộ, ngành, địa phương phản ánh kịp thời với Bộ Tài chính để được hướng dẫn./.

KT. BỘ TRƯỞNG

Thứ trưởng

Huỳnh Thị Nhân